

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TUY PHONG Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
TỈNH BÌNH THUẬN

Bản án số: **26/2025/HNGĐ-ST**.

Ngày: 18-3-2025

V/v: *Tranh chấp*

“Ly hôn và con chung”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiêm Uyên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Hồng Sơn

2. Bà Nguyễn Thị Bích Lam

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Bích Hà Vy– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Bích Ngà– Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 545/2024/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2024 về “Tranh chấp ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2025, đối với các đương sự,

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ T, sinh năm 1979

- Bị đơn: Ông Phạm Ngọc H, sinh năm 1981

Cùng địa chỉ: Khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện ly hôn, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ T trình bày:

+ Về hôn nhân: Bà và ông Phạm Ngọc H quen biết và tìm hiểu được một thời gian thì quyết định chung sống với nhau, sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào năm 2015. Mới lấy nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không xảy ra mâu thuẫn gì lớn, nhưng thời gian gần đây bà nghi ngờ sự chung thủy của ông H rồi vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn tha thiết như xưa, ảnh hưởng

đến con cái. Vợ chồng không tin tưởng nhau. Mâu thuẫn đỉnh điểm gần đây nhất là ngày 22/11/2024, ông H công khai gặp gỡ người phụ nữ khác khi bà nói ra thì ra tay đánh đuổi bà ra khỏi nhà. Thật sự việc ông H gây khó khăn rồi kiếm chuyện đánh bà đã lặp lại nhiều lần. Bà nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, quay lại đoàn tụ cũng không hạnh phúc do không còn tình cảm nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phạm Ngọc H.

+ Về con chung: Bà và ông Phạm Ngọc H có 01 (một) con chung tên: Phạm Ngọc H1, sinh ngày 31/5/2012, giới tính: Nam. Bà yêu cầu nhận trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ông yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Trước khi nộp đơn ly hôn tại Tòa bà đã thông báo cho ông H biết, ông H nói bà cứ làm đơn ông sẽ ký nhưng ông không đến Tòa án giải quyết, bắt buộc bà phải mang về cho ông ký. Bà nghĩ cuộc sống vợ chồng đã mâu thuẫn, không còn quan tâm nhau, mặc dù còn sống chung nhà nhưng mạnh ai nấy sống, nếu ông H có thiện chí muốn hàn gắn vợ chồng thì ông phải thể hiện sự níu kéo, nhưng ông bỏ mặt mọi thứ, kêu bà làm gì thì làm, ông đã không còn muốn đoàn tụ. Ông H không đến Tòa án và khi Tòa án liên hệ với địa phương để gặp ông H thì ông H lẩn tránh từ chối.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn: Ông Phạm Ngọc H có lời khai vào ngày 09/01/2025 tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong: Ông xác định phần trình bày của bà T cũng có phần đúng về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Mới lấy nhau cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, không xảy ra mâu thuẫn gì lớn. Tuy nhiên thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân không có tiếng nói chung. Bà T nghi ngờ sự chung thủy của ông. Mỗi lần cãi nhau thì bà T xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của ông, ảnh hưởng đến cuộc sống vợ chồng, con cái nên ông có đánh bà T. Tuy nhiên, ông nhận thấy vẫn còn yêu thương vợ nên có nguyện vọng đoàn tụ. Hiện nay, mặc dù vợ chồng còn sống chung nhà, nhưng mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Về con chung ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục, do bà T không yêu cầu ông cấp dưỡng nuôi con nên ông không cấp dưỡng.

Ông làm nghề biển nên thời gian đi biển nhiều hơn thời gian ở nhà, lâu lâu ông mới về, Tòa án triệu tập ông theo quy định pháp luật thì ông không ra theo giấy triệu tập được. Nay trong lần lấy lời khai này ông đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt ông trong các buổi làm việc, phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải và phiên tòa xét xử, việc ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt là hoàn toàn tự nguyện, ông không khiếu nại về sau.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục theo quy định của pháp luật cho bị đơn Phạm Ngọc H.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn, giao con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ T có đơn đề nghị giải quyết việc hôn nhân giữa bà T với ông Phạm Ngọc H (có nơi cư trú tại khu phố P, thị trấn P, huyện T, tỉnh Bình Thuận), nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong. Ông Phạm Ngọc H đã được tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Phạm Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Ngọc H. Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ T kết hôn với ông Phạm Ngọc H trên cơ sở tình yêu tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 22, quyển số: 01/2015, ngày 04-5-20215. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của bà T với ông H do Ủy ban nhân dân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp và bà T giao nộp tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Bà T trình bày bà và ông H trong quá trình chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, bà nghi ngờ sự chung thủy ông H. Mâu thuẫn đỉnh điểm gần đây nhất là ngày 22/11/2024, ông H công khai gặp gỡ người phụ nữ khác khi bà nói ra thì ra tay đánh đuổi bà ra khỏi nhà, vợ chồng còn sống chung nhưng mạnh ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Ông H cũng thống nhất với phần trình bày của bà T, nhưng có nguyện vọng đoàn tụ. Tòa án đã nhiều lần thông báo cho ông H đến giải quyết nhưng ông H không chấp hành, điều này chứng tỏ ông H không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn gia đình, vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa bà T với ông H không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ T.

[3] Về con chung: Bà T và ông Phạm Ngọc H có 01 (một) con chung tên: Phạm Ngọc H1, sinh ngày 31/5/2012, giới tính: Nam. Nay bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành phù hợp tình hình thực tế cuộc sống và nguyện vọng của cháu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình tiếp tục giao con chung Phạm Ngọc H1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Do bà T không có yêu cầu ông H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét việc đóng góp phí tổn nuôi con chung đối với ông Phạm Ngọc H.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ T trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điểm a, Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố

tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ T đối với ông Phạm Ngọc H. Giấy chứng nhận kết hôn số: 22, quyển số: 01/2015, ngày 04-5-2015 của Ủy ban nhân xã H, huyện B, tỉnh Bình Thuận hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung tên: Phạm Ngọc H1, sinh ngày 31/5/2012, giới tính: Nam cho bà Nguyễn Thị Thanh M T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Phạm Ngọc H không cấp dưỡng nuôi con chung do bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ T không yêu cầu.

Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ T có quyền khởi kiện yêu cầu ông Phạm Ngọc H cấp dưỡng nuôi con chung khi có yêu cầu.

Ông Phạm Ngọc H không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007285 ngày 13/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

4. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Thanh Mỹ T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/3/2025); Ông Phạm Ngọc H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

-VKSND Bình Thuận;

-VKSND Tuy Phong

-Nguyên đơn;

-Bị đơn;

-Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kiêm Uyên